

BÀI TẬP CHƯƠNG AMIN

BÀI TẬP ĐIỀN KHUYẾT

1) Khi thay thế một hay nhiều nguyên tử trong phân tử bằng một hay nhiều gốc ta thu được amin.

Ví dụ:

2) CT chung của Amin là:

3) CT chung của amin no đơn chức mạch hở:

4) CT chung của amin no đơn chức mạch hở bậc 1:

5) Công thức tính số đồng phân amin:

6) Cách nhớ số đồng phân tính **theo bậc**: Amin có bao nhiêu bậc.....

Amin có 1C :.....	Amin có 3C :.....
Amin có 2C :.....	Amin có 4C :.....
	Amin có 5C :.....

7) Tên gọi: **Tên gốc hidrocarbon + amin**:

CH_3NH_2; $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$; $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$

8) Amin mạch hở tan trong nước, dung dịch làm quỳ tím hoá

9) **Anilin ($\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$)** có tính bazơ mạnh, yếu, hay rất yếu?

10) Amin càng có nhiều vòng benzen thì tính bazơ càng mạnh hay yếu?

11) Thuốc thử dùng để phân biệt các amin mạch hở và anilin là gì?

Vì sao?.....

12) Amin từ 4C trở lên ở thể hoặc; mùi, độ tan trong giảm theo chiều phân tử khối.

13) Nhiệt độ sôi phân tử khối.

14) Anilin là chất, tan trong nước, màu;

(để lâu trong không khí, chuyển sang màu do bị oxi hóa bởi).

15) Thuốc thử dùng để nhận biết anilin là gì?Nêu hiện tượng:

16) Các amin ở thể khí gồm:, có mùi, tan trong

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

CÁC CHỦ ĐỀ LÝ THUYẾT

CHỦ ĐỀ 1. CẤU TẠO, ĐỒNG PHÂN, DANH PHÁP

Câu 1. Công thức tổng quát của amin đơn chức, mạch hở bậc 1 là

- A. RN B. $R-NH-R_1$ C. $(R)_3N$ D. RNH_2

Câu 2. Công thức tổng quát của amin đơn chức, mạch hở bậc 2 là

- A. RN B. $R-NH-R_1$ C. $(R)_3N$ D. RNH_2

Câu 3. Công thức tổng quát của amin đơn chức, mạch hở bậc 3 là

- A. RN B. $R-NH-R_1$ C. $(R)_3N$ D. RNH_2

Câu 4. Công thức chung của amin no, đơn chức, mạch hở là

- A. $C_nH_{2n-5}N$ ($n \geq 6$) B. $C_nH_{2n+1}N$ ($n \geq 2$)

- C. $C_nH_{2n-1}N$ ($n \geq 2$) D. $C_nH_{2n+3}N$ ($n \geq 1$)

Câu 5. Công thức tổng quát của amin no, mạch hở là

- A. $C_nH_{2n+2+m}N_m$ B. $C_nH_{2n+2-m}(NH_2)_m$ C. $C_nH_{2n+2}N_m$ D. $C_nH_{2n+1}NH_2$

Câu 6. Công thức tổng quát của amin no, đơn chức, mạch hở bậc 1 là

- A. $C_nH_{2n+2+m}N_m$ B. $C_nH_{2n+1}-NH-C_mH_{2m+1}$

- C. $(C_nH_{2n+1})_3N$ D. $C_nH_{2n+1}NH_2$

Câu 7. Công thức tổng quát của amin no, đơn chức, mạch hở bậc 2 là

- A. $C_nH_{2n+2+m}N_m$ B. $C_nH_{2n+1}-NH-C_mH_{2m+1}$

- C. $(C_nH_{2n+1})_3N$ D. $C_nH_{2n+1}NH_2$

Câu 8. Công thức tổng quát của amin no, đơn chức, mạch hở bậc 3 là

- A. $C_nH_{2n+2+m}N_m$ B. $C_nH_{2n+1}-NH-C_mH_{2m+1}$

- C. $(C_nH_{2n+1})_3N$ D. $C_nH_{2n+1}NH_2$

Câu 9. Công thức tổng quát của amin thơm, là đồng đẳng của anilin là

- A. $C_nH_{2n-5+m}N_m$ ($n \geq 6$) B. $C_nH_{2n-5}N$ ($n \geq 6$)

- C. $C_nH_{2n+2+m}N_m$ ($n \geq 6$) D. $C_nH_{2n-5}NH_2$ ($n \geq 6$)

Câu 10. Số đồng phân amin có công thức phân tử C_2H_7N là

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 11. Số đồng phân amin bậc 1 ứng với công thức phân tử C_3H_9N là

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 12. Số amin bậc 1 có cùng công thức phân tử C_3H_9N là

- A. 3 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 13. Số amin bậc 2 có cùng công thức phân tử C_3H_9N là

- A. 3 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 14. Số amin bậc 3 có cùng công thức phân tử C_3H_9N là

- A. 3 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 15. Số đồng phân amin có công thức phân tử $C_4H_{11}N$ là

- A. 5 B. 7 C. 6 D. 8

Câu 16. Số đồng phân amin bậc 1 có công thức phân tử $C_4H_{11}N$ là

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 17. Số đồng phân amin bậc 2 của hợp chất $C_4H_{11}N$ là

- A. 2 B. 3 C. 5 D. 4

Câu 18. Có bao nhiêu amin chứa vòng benzene có cùng CTPT C_7H_9N ?

- A. 3 amin B. 5 amin C. 6 amin D. 7 amin

Câu 19. Số đồng phân amin bậc 1 của hợp chất $C_5H_{13}N$ là

- A. 7 B. 9 C. 8 D. 10

Câu 20. Số đồng phân amin bậc 2 của hợp chất $C_5H_{13}N$ là

- A. 2 B. 4 C. 3 D. 5

Câu 21. Số đồng phân amin bậc 3 của hợp chất $C_5H_{13}N$ là

- A. 2 B. 4 C. 3 D. 5

Câu 22. Số đồng phân amin thơm của hợp chất C_7H_9N là

- A. 3 B. 5 C. 6 D. 4

Câu 23. Số đồng phân amin thơm bậc 1 của hợp chất C_7H_9N là

- A. 4 B. 3 C. 5 D. 2

Câu 24. Số đồng phân amin thơm bậc 2 của hợp chất C_7H_9N là

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 25. Trong số các chất C_3H_8 , C_3H_7Cl , C_3H_8O và C_3H_9N . Chất có nhiều đồng phân nhất là

- A. C_3H_9N B. C_3H_7Cl C. C_3H_8O D. C_3H_8

Câu 26. Amin có bậc 2 là

- A. $NH_2-[CH_2]_6-NH_2$ B. $CH_3-CH(CH_3)-NH_2$ C. $CH_3-NH-CH_3$ D. $C_6H_5NH_2$

Câu 27. Anilin có công thức là

- A. C_6H_5OH B. CH_3OH C. CH_3COOH D. $C_6H_5NH_2$

Câu 28. Trong các tên gọi dưới đây tên nào phù hợp với chất $CH_3-CH(CH_3)-NH_2$?

- A. Metyletylamin B. etylmetyl amin
C. Isopropan amin D. Isopropyl amin

Câu 29. Tên gọi của hợp chất $(CH_3)_2CHNH_2$ là

- A. Metyletylamin B. Etylmetylamin C. Isopropanamin D. Isopropylamin

Câu 30. Trong các tên dưới đây tên nào phù hợp với chất $C_6H_5-CH_2-NH_2$

- A. phenyl amnin B. benzyl amin C. phenyl metylamin D. anilin

Câu 31. Tên gọi phù hợp với công thức $C_6H_5-CH_2-NH_2$ là

- A. Pheylamin B. Benzylamin C. Anilin D. Phenylmetylamin

Câu 32. Tên thay thế của amin có CT: $CH_3CH_2N(CH_3)_2$ là

- A. Etylđimetylamin B. N,N-Đimetyletanamin
C. N-Metylpropanamin D. Đimetyletanamin

Câu 33. N,N- Etyl metyl propan-1-amin có CTCT là

- A. $(CH_3)(C_2H_5)(CH_3CH_2CH_2)N$ B. $(CH_3)_2CH(CH_3)(C_2H_5)N$
C. $(CH_3)_2(C_2H_5)N$ D. $(CH_3)(C_2H_5)(CH_3)_2CHN$

Câu 34. Tên gọi của $C_6H_5-NH-CH_3$ là

- A. Metyl phenyl amin. B. N-metylanilin
C. N-metyl benzen amin. D. cả A, B, C đều đúng.

Câu 35. Trong các chất sau chất nào là amin bậc 2

- A. $H_2N-[CH_2]_6-NH_2$ B. $CH_3-CH(CH_3)-NH_2$
C. $CH_3-NH-CH_3$ D. $C_6H_5NH_2$

Câu 36. chất nào là amin bậc II

- A. phenyl amin B. benzyl amin C. anilin D. Phenyl metyl amin

Câu 37. ancol và amin nào sau đây cùng bậc?

- A. $CH_3NHC_2H_5$ và $CH_3CHOHCH_3$
B. $(C_2H_5)NC_2H_5$ và $CH_3CHOHCH_3$
C. $CH_3NHC_2H_5$ và C_2H_5OH
D. $C_2H_5NH_2$ và $CH_3CHOHCH_3$

Câu 38. Etyl metyl amin có CTPT là

- A. $CH_3NHC_2H_5$ B. CH_3NHCH_3
C. $C_2H_5-NH-C_6H_5$ D. $CH_3NH-CH_2CH_2CH_3$

Câu 39. Ancol và amin nào sau đây cùng bậc

- A. $(CH_3)_3C-OH$ và $(CH_3)_3C-NH_2$. B. $(C_6H_5)_2NH$ và $C_6H_5CH_2OH$.
C. $(CH_3)_2CHOH$ và $(CH_3)_2CHNH_2$ D. $C_6H_5NHCH_3$ và $C_6H_5CH(OH)CH_3$.

CHỦ ĐỀ 2. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ TÍNH CHẤT HÓA HỌC

Câu 40. Phát biểu nào sau đây về tính chất vật lý của amin là không đúng?

- A. Metyl amin, đimetyl amin, etyl amin là chất khí, dễ tan trong nước
B. Các amin khí có mùi tương tự amoniac, độc
C. Anilin là chất lỏng khó tan trong nước, màu đen

D. Độ tan trong nước của amin giảm dần khi số nguyên tử cacbon trong phân tử tăng

Câu 41. Nguyên nhân chủ yếu làm cho etylamin có nhiệt độ sôi cao hơn so với butan?

- A. Etylamin có khối lượng phân tử thấp hơn
- B. Etylamin có khả năng tạo ra liên kết hydro giữa các phân tử
- C. Etylamin có khả năng tạo ra liên kết hydro với các phân tử nước.
- D. Etylamin có khối lượng phân tử cao hơn

Câu 42. Chất không phản ứng được với dung dịch NaOH là

- A. $C_6H_5NH_3Cl$
- B. $C_6H_5CH_2OH$
- C. $p-CH_3C_6H_4OH$
- D. C_6H_5OH

Câu 43. anilin ($C_6H_5NH_2$) có phản ứng với dung dịch

- A. NaOH
- B. Na_2CO_3
- C. NaCl
- D. HCl

Câu 44. Dung dịch metyl amin trong nước làm

- A. quỳ tím không đổi màu
- B. quỳ tím hóa xanh
- C. phenolphthalein hóa xanh
- D. phenolphthalein không đổi màu

Câu 45. Kết tủa xuất hiện khi nhỏ dung dịch brom vào

- A. benzene
- B. axit axetic
- C. anilin
- D. ancol etylic

Câu 46. Cho các chất phenylamin, phenol, metylamin, axit axetic. Dung dịch chất nào làm đổi màu quỳ tím sang xanh?

- A. phenylamin
- B. metylamin
- C. axit axetic
- D. phenol

Câu 47. Chất không có khả năng làm xanh nước quỳ tím là?

- A. anilin
- B. natri hidroxit
- C. natri axetat
- D. ammoniac

Câu 48. Dãy gồm các chất đều có thể làm giấy quỳ tím ẩm chuyển sang màu xanh là:

- A. anilin, metylamin, ammoniac
- B. amoni clorua, metylamin, natri hidroxit
- C. anilin, amoniac, natri hidroxit
- D. metylamin, amoniac, natri axetat

Câu 49. Anilin và phenol đều có phản ứng với:

- A. dd HCl
- B. dd NaOH
- C. nước Br_2
- D. dd NaCl

Câu 50. Chất nào dưới đây phản ứng với dung dịch $FeCl_3$ cho kết tủa màu nâu đỏ?

- A. CH_3NH_2
- B. C_6H_5OH
- C. C_2H_5OH
- D. CH_3COOH

Câu 51. Chất nào sau đây không tác dụng với anilin

- A. CH_3COOH
- B. Na_2SO_4
- C. H_2SO_4
- D. Br_2

Câu 52. Dung dịch etylamin không phản ứng với chất nào trong số các chất sau đây?

- A. HCl
- B. HNO_3
- C. KOH
- D. quỳ tím

Câu 53. Chỉ ra phát biểu sai khi nói về anilin

- A. Tan vô hạn trong nước
- B. Có tính bazơ yếu hơn NH_3
- C. Tác dụng dd brom tạo kết tủa trắng
- D. ở thể lỏng trong điều kiện thường

Câu 54. Để phân biệt anilin và etylamin đựng trong 2 lọ riêng biệt ta dùng thuốc thử nào?

- A. DD Br_2
- B. DD HCl
- C. DD NaOH
- D. DD $AgNO_3$

Câu 55. Cho sơ đồ phản ứng $X \longrightarrow C_6H_6 \longrightarrow Y \longrightarrow \text{anilin}$

X và Y lần lượt là:

- A. CH_4 , $C_6H_5NO_2$
- B. C_2H_2 , $C_6H_5CH_3$
- C. C_6H_{12} (XICLOHEXAN), $C_6H_5CH_3$
- D. C_2H_2 , $C_6H_5NO_2$

Câu 56. Nếu chỉ dùng một ít ddb rom sẽ không phân biệt được 2 dung dịch nào dưới đây

- A. anilin và xiclohexylamin
- B. anilin và benzene
- C. anilin và phenol
- D. anilin và stiren

Câu 57. anilin và phenol đều có phản ứng với

- A. DD HCl
- B. DD NaOH
- C. DD Br_2
- D. DD NaCl

Câu 58. Nhận định nào sau đây không đúng

- A. Các amin đều có khả năng nhận proton
- B. Tính bazơ của các amin đều mạnh hơn NH_3
- C. Metyl amin có tính bazơ mạnh hơn anilin
- D. CTTQ của amin no mạch hở là $C_nH_{2n+2-k}N_k$

Câu 59. DD metylamin không tác dụng với chất nào sau đây?

A. DD HCl B. DD Br₂ C. DD FeCl₃ D. HNO₂

Câu 60. Để tách riêng hh khí CH₄ và CH₃NH₂ ta dùng

A. DD HCl B. NaOH, HCl C. HCl, NaOH D. HNO₂

Câu 61. Hóa chất dùng để phân biệt phenol và anilin là

A. dd Br₂ B. nước C. dd C₂H₅OH D. Na

Câu 62. Để làm sạch ống nghiệm đựng anilin, ta thường dùng hóa chất nào?

A. dd HCl B. Xà phòng C. Nước D. dd NaOH

Câu 63. Khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. Amin nào cũng làm xanh giấy quỳ ẩm
- B. Amin nào cũng có tính bazơ
- C. Anilin có tính bazơ mạnh hơn NH₃
- D. C₆H₅NH₃Cl tác dụng nước Br tạo kết tủa trắng

Câu 64. Amin không tan trong nước là

A. etylamin B. Metylamin C. Anilin D. Trimetylamin

Câu 65. Thuốc thử dùng để phân biệt phenol và anilin là

A. Dung dịch NaOH B. Dung dịch Br₂ C. Dung dịch NH₃ D. Quỳ tím

Câu 66. Có 3 chất lỏng benzen, anilin, stiren, đựng riêng biệt trong 3 lọ mất nhãn. Thuốc thử để phân biệt 3 chất lỏng trên là

A. dung dịch phenolphthalein. B. nước brom.
C. dung dịch NaOH. D. giấy quỳ tím.

Câu 67. 3 dd: C₂H₅OH, CH₃COOH, CH₃NH₂ đựng trong ba lọ riêng biệt. Thuốc thử dùng để phân biệt ba chất trên là

A. quỳ tím. B. kim loại Na. C. dd Br₂. D. dd NaOH.

Câu 68. Chất không có khả năng làm nước quỳ tím hóa xanh là

A. Anilin B. Natri hiđroxit.
C. Natri axetat. D. Amoniac.

Câu 69. Chất không phản ứng với dung dịch NaOH là

A. C₆H₅NH₃Cl. B. C₆H₅CH₂OH. C. p-CH₃C₆H₄OH. D. C₆H₅OH.

Câu 70. Chọn phát biểu sai

- A. Khối lượng phân tử các amin đơn chức là số lẻ.
- B. Tính bazơ của anilin yếu hơn amoniac do gốc phenyl rút e trên N của nhóm NH₂
- C. Phenol và anilin đều không làm đổi màu quỳ tím.
- D. Phenol và anilin dễ tham gia phản ứng thế do ảnh hưởng của vòng benzen lên nhóm -OH hoặc -NH₂

Câu 71. Chọn phát biểu đúng

- A. Amin là hợp chất hữu cơ có chứa nhóm amino -NH₂
- B. Amin có độ sôi cao hơn so với ancol và axit có cùng số C.
- C. Amin thể hiện tính bazơ do cặp electron tự do trên N.
- D. Các amin đơn no có tính bazơ yếu hơn so với anilin và amoniac.

Câu 72. Để tách riêng từng chất từ hỗn hợp benzen, anilin, phenol ta chỉ cần dùng các hoá chất (với dụng cụ và điều kiện thí nghiệm coi như có đủ)

A. dung dịch NaOH, dung dịch HCl, khí CO₂.
B. dung dịch Br₂, dung dịch HCl, khí CO₂.
C. dung dịch Br₂, dung dịch NaOH, khí CO₂.
D. dung dịch NaOH, dung dịch NaCl, khí CO₂.

Câu 73. Dãy gồm các chất đều làm giấy quỳ tím ẩm chuyển sang màu xanh là

A. anilin, metylamin, amoniac. B. amoni clorua, metylamin, natri hiđroxit.
C. anilin, amoniac, natri hiđroxit. D. metylamin, amoniac, natri axetat.

Câu 74. Kết tủa xuất hiện khi nhỏ dung dịch brom vào

A. ancol etylic. B. benzen. C. anilin. D. axit axetic.

Câu 75. Chất làm giấy quỳ tím ẩm chuyển thành màu xanh là

A. C₂H₅OH. B. CH₃NH₂. C. C₆H₅NH₂. D. NaCl.

Câu 76. Cho dãy các chất: phenol, anilin, phenylamoni clorua, natri phenolat, etanol. Số chất trong dãy phản ứng được với NaOH (trong dung dịch) là

A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 77. Anilin ($C_6H_5NH_2$) phản ứng với dung dịch

- A. NaOH. B. HCl. C. Na_2CO_3 . D. NaCl.

Câu 78. Cho chuyển hoá: n-hexan $\rightarrow X_1 \rightarrow X_2 \rightarrow X_3 \rightarrow$ anilin. Công thức phù hợp với X_2 là:

- A. Clobenzen B. Nitrobenzen C. Benzen D. Xiclohexan

Câu 79. Để làm sạch các dụng cụ chứa anilin, ta thường dùng hoá chất sau, trước khi dùng nước

- A. Xà phòng B. Dung dịch kiềm C. Dung dịch HCl D. Chất tẩy rửa

Câu 80. Nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Các amin đều có khả năng kết hợp với proton
B. Tính bazơ của các amin đều mạnh hơn NH_3
C. Metyl amin có tính bazơ mạnh hơn anilin.
D. CT tổng quát của amin no, mạch hở là $C_nH_{2n+2+k}N_k$

Câu 81. Điều khẳng định nào sau đây luôn luôn đúng?

- A. Phân tử khối của một amin đơn chức luôn là số lẻ.
B. Phân tử khối của một amin đơn chức luôn là số chẵn
C. Đốt cháy hết a mol amin bất kì luôn thu được tối thiểu $a/2$ mol N_2 (giả sử pur cháy chỉ cho N_2)
D. A và C đúng.

Câu 82. khi đốt cháy các đồng đẳng của metyl amin, tỉ lệ mol $a = n_{CO_2} : n_{H_2O}$ biến đổi trong khoảng nào?

- A. $0,4 < a < 1,2$ B. $0,8 < a < 2,5$ C. $0,4 < a < 1$ D. $0,75 < a < 1$

Câu 83. Phương pháp nào thường dùng để điều chế amin ?

- A. Cho dẫn xuất halogen tác dụng với NH_3 B. Cho rượu tác dụng với NH_3
C. Hidro hoá hợp chất nitrin D. Khử hợp chất nitro bằng hidro nguyên tử.

Câu 84. Dung dịch metylamin không tác dụng với chất nào sau đây ?

- A. HNO_2 B. Dung dịch HCl C. Dung dịch $FeCl_3$ D. Dung dịch Br_2 .

Câu 85. Cho các chất sau: (1) $CH_3CH_2NH_2$; (2) CH_3NHCH_3 ; (3) CH_3CONH_2 ; (4) NH_2CONH_2 ;

(5) NH_2CH_2COOH ; (6) $C_6H_5NH_2$; (7) $C_6H_5NH_3Cl$; (8) $C_6H_5NHCH_3$; (9) $CH_2=CHNH_2$. Dãy chất amin là:

- A. (1); (2); (6); (7); (8) B. (1); (2); (6); (8); (9)
C. (3); (4); (5) D. (1); (3); (4); (5); (6); (9).

Câu 86. Anilin tác dụng được với những chất nào sau đây ?

(1) dung dịch HCl; (2) dung dịch H_2SO_4 ; (3) dung dịch NaOH; (4) dung dịch brom; (5) dung dịch CH_3CH_2OH ;
(6) dung dịch $CH_3COOC_2H_5$

- A. (1), (2), (3) B. (4), (5), (6) C. (3), (4), (5) D. (1), (2), (4)

Câu 87. Phát biểu nào sau đây sai ?

- A. Anilin là bazơ yếu hơn NH_3 vì ảnh hưởng hút electron của nhân benzen lên nhóm $-NH_2$ bằng hiệu ứng liên hợp.
B. Anilin không làm thay đổi màu giấy quỳ tím ẩm.
C. Anilin ít tan trong H_2O vì gốc C_6H_5 - kỵ nước.
D. Nhờ có tính bazơ, anilin tác dụng được với dung dịch brom.

SO SÁNH TÍNH BAZƠ CỦA AMIN

Câu 88. Chất có lực bazơ mạnh nhất là

- A. NH_3 B. $C_6H_5-CH_2-NH_2$ C. $C_6H_5-NH_2$ D. $(CH_3)_2NH$

Câu 89. Chất có lực bazơ yếu nhất là

- A. $C_6H_5NH_2$ B. $C_6H_5-CH_2-NH_2$ C. $(C_6H_5)_2NH$ D. NH_3

Câu 90. Chất có lực bazơ mạnh nhất là

- A. $C_6H_5NH_2$ B. $(C_6H_5)_2NH$ C. $p-CH_3-C_6H_4-NH_2$ D. $C_6H_5-CH_2-NH_2$

Câu 91. Cho các chất: etylamin (1), amoniac (2), phenylamin (3) và kali hidroxit (4). Thứ tự tăng dần tính bazơ là:

- A. 4, 3, 2, 1. B. 1, 2, 4, 3. C. 2, 3, 1, 4. D. 3, 2, 1, 4.

Câu 92. Dãy gồm các chất được xếp theo chiều tính bazơ giảm dần từ trái sang phải là

- A. CH_3NH_2 , $(CH_3)_2NH$, NH_3 , $C_6H_5NH_2$ B. $(CH_3)_2NH$, CH_3NH_2 , $C_6H_5NH_2$, NH_3
C. $(CH_3)_2NH$, CH_3NH_2 , NH_3 , $C_6H_5NH_2$ D. NH_3 , CH_3NH_2 , $C_6H_5NH_2$, $(CH_3)_2NH$

Câu 93. Cho các chất: (1) $C_6H_5NH_2$; (2) $C_2H_5NH_2$; (3) $(C_2H_5)_2NH$; (4) NaOH; (5) NH_3 . Dãy các chất được sắp xếp theo chiều tăng lực bazơ là:

- A. (1) < (5) < (2) < (3) < (4) B. (1) < (2) < (5) < (3) < (4)
C. (1) < (5) < (3) < (2) < (4) D. (2) < (1) < (3) < (5) < (4)

Câu 94. Trong dãy các chất sau: $p\text{-NO}_2\text{-C}_6\text{H}_4\text{NH}_2$ (1), $p\text{-CH}_3\text{-C}_6\text{H}_4\text{NH}_2$ (2), $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (3) và NH_3 (4). Chất có tính bazơ yếu nhất là

- A. (2) B. (1) C. (4) D. (3)

Câu 95. Cho dãy các chất: $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (1), $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ (2), $(\text{C}_6\text{H}_5)_2\text{NH}$ (3), $(\text{C}_2\text{H}_5)_2\text{NH}$ (4), NH_3 (5) ($\text{C}_6\text{H}_5\text{-}$ là gốc phenyl). Dãy các chất sắp xếp theo thứ tự lực bazơ giảm dần là

- A. (3), (1), (5), (2), (4). B. (4), (1), (5), (2), (3). C. (4), (2), (3), (1), (5). D. (4), (2), (5), (1), (3).

Câu 96. Cho các chất: (1) $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$; (2) $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$; (3) $(\text{C}_6\text{H}_5)_2\text{NH}$; (4) NaOH ; (5) NH_3 . Thứ tự tính bazơ tăng dần là

- A. 3, 5, 2, 1, 4 B. 3, 1, 5, 2, 4 C. 3, 5, 1, 2, 4 D. 2, 3, 1, 5, 4

Câu 97. Cho dãy các chất $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$, CH_3NH_2 , NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, chất trong dãy có lực bazơ yếu nhất

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ B. CH_3NH_2 C. NH_3 D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$

Câu 98. Trong các chất dưới đây chất nào có lực bazơ yếu nhất

- A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{NH}_2$ C. $(\text{C}_6\text{H}_5)_2\text{NH}$ D. NH_3

Câu 99. Trong các chất dưới đây, chất nào có lực bazơ mạnh nhất?

- A. NH_3 B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{NH}_2$ C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ D. $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$

Câu 100. Dãy gồm các chất được xếp theo chiều tính bazơ giảm dần từ trái sang phải là:

- A. CH_3NH_2 , NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ B. CH_3NH_2 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, NH_3
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, NH_3 , CH_3NH_2 D. NH_3 , CH_3NH_2 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$

